

**Thông Tin  
PHỤC VỤ LÃNH ĐẠO**

**TRONG SỐ NÀY**

- 1. Thực hiện Nghị quyết số 13 về phát triển vùng Đồng bằng sông Cửu Long:  
PHẦN ĐẦU ĐƯA BẾN TRE PHÁT TRIỂN NHANH, BỀN VỮNG, SÁNH  
VAI VỚI CÁC TỈNH TRONG KHU VỰC VÀ CẢ NƯỚC**
- 2. CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO GÓP PHẦN THỰC HIỆN THẮNG LỢI  
NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XI ĐẢNG BỘ TỈNH**
- 3. TĂNG CƯỜNG CHỈ ĐẠO CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH**
- 4. *Tổng Giám đốc Tập đoàn Trung Nam Nguyễn Tâm Tiến:*  
CON NGƯỜI - HÀNH TINH - HIỆU QUẢ LÀM KIM CHỈ NAM CHO  
MỌI HÀNH ĐỘNG**
- 5. TIẾN ĐỘ BÀN GIAO MẶT BẰNG CHO NHÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
CÔNG TRÌNH CẦU RẠCH MIẾU 2 VÀ ĐƯỜNG GOM**
- 6. CÔNG TÁC CHUẨN BỊ CÁC ĐIỀU KIỆN CHO NĂM HỌC MỚI VÀ TỔ  
CHỨC KHAI GIẢNG NĂM HỌC 2022-2023**
- 7. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TIẾP TỤC ĐỔI MỚI, PHÁT TRIỂN VÀ  
NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH TẾ TẬP THỂ TRONG GIAI ĐOẠN MỚI**
- 8. NHỮNG BƯỚC CHUYỂN TRONG THỰC HIỆN CHỈ TIÊU NUÔI  
TÔM CÔNG NGHỆ Ở HUYỆN THẠNH PHÚ**
- 9. GIỒNG TRÔM ĐẦU TƯ 4,565 TỶ ĐỒNG THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI  
SỐ**

*Thực hiện Nghị quyết số 13 về phát triển vùng Đồng bằng sông Cửu Long:*

**PHẦN ĐẦU ĐƯA BẾN TRE PHÁT TRIỂN NHANH, BỀN VỮNG, SÁNH  
VAI VỚI CÁC TỈNH TRONG KHU VỰC VÀ CẢ NƯỚC**

**Lê Đức Thọ - UVBCHTW Đảng,**

**Bí thư Tỉnh ủy**

Qua gần 20 năm thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 20/01/2003 của Bộ Chính trị khoá IX về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) thời kỳ 2001 - 2010, với sự tập trung lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, Bến Tre đạt nhiều thành tựu quan trọng, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị.

*Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, quá trình phát triển kinh tế - xã hội tỉnh vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế:* Kinh tế phát triển chưa toàn diện, chưa tương xứng với tiềm năng, quy mô kinh tế còn nhỏ, đến năm 2020 chỉ đứng thứ 11/13 tỉnh khu vực ĐBSCL; cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng nhưng còn chậm, tốc độ tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2011 - 2015 và 2016 - 2020 chưa đạt chỉ tiêu đề ra; GRDP/người còn thấp so khu vực ĐBSCL. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở Đảng còn hạn chế; hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở có mặt chưa đáp ứng yêu cầu; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội còn tiềm ẩn nhiều vấn đề phức tạp.

Nghị quyết số 13-NQ/TW, ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị khoá XIII về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng ĐBSCL đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 là động lực quan trọng để Bến Tre vươn lên phát triển cùng với các tỉnh trong khu vực. Về quan điểm, để cụ thể hóa thực hiện thắng lợi quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển toàn diện vùng Đồng bằng sông Cửu Long; Bến Tre tích cực, chủ động vận dụng các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với thực trạng, tiềm năng và lợi thế của tỉnh, xây dựng Bến Tre phát triển toàn diện tập trung vào bốn trụ cột “Phát triển kinh tế là trung tâm; phát triển văn hoá là nền tảng và động lực; xây dựng Đảng, hệ thống chính trị là nhiệm vụ then chốt; tăng cường quốc phòng, an ninh là nhiệm vụ thường xuyên” nhằm xây dựng Bến Tre phát triển nhanh, bền vững, sánh vai với các tỉnh trong khu vực và cả nước.

Với quan điểm phát triển toàn diện nêu trên, phần đầu đưa tỉnh phát triển nhanh, toàn diện, bền vững; đến năm 2030 trở thành tỉnh phát triển ở mức khá của cả nước (top 30) dựa trên thu hút hiệu quả nguồn lực đầu tư để mở rộng không gian phát triển tỉnh về hướng Đông gắn với kinh tế biển; tăng cường kết nối nội vùng, liên vùng, trong nước và quốc tế; tăng năng suất lao động trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, phát triển kinh tế xanh; phát

triển thành trung tâm đầu mối về nông nghiệp gắn với vùng nguyên liệu chính về trái cây, rau màu của vùng ĐBSCL. Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, hạ tầng số đồng bộ, hiện đại và kết nối thuận lợi với các tỉnh trong vùng ĐBSCL và cả nước; lấy sự cân bằng phát triển kinh tế bền vững và đời sống người dân làm trọng tâm gắn với phát triển đồng đều các lĩnh vực văn hóa - thể thao, an sinh và phúc lợi xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm, quốc phòng được tăng cường; môi trường sinh thái được bảo vệ. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh đoàn kết, tinh thần Đồng Khởi, ý chí, khát vọng vươn lên của người Bến Tre.

Đến năm 2045, Bến Tre có nền kinh tế phát triển tiên tiến và bền vững, tạo môi trường sống tốt nhất cho người dân. Phát triển kinh tế đi đôi với bền vững về môi trường theo hướng chủ đạo là thông minh, sáng tạo, xanh, sạch, các trụ cột tăng trưởng có trình độ phát triển cao và trở thành động lực phát triển quan trọng của tỉnh, đặc biệt là công nghiệp công nghệ cao, dịch vụ, nông nghiệp sinh thái chất lượng cao, là điểm đến hấp dẫn cho các nhà đầu tư và du khách; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, phân bổ hợp lý và thích ứng với biến đổi khí hậu. Môi trường xã hội văn minh, hiện đại, sáng tạo, để khuyến khích mọi công dân học hỏi, sáng tạo và đóng góp hiệu quả cho phát triển. Con người Bến Tre phát triển toàn diện cả về trí tuệ, thể chất, đạo đức và tuân thủ pháp luật; xây dựng thương hiệu Bến Tre là “nơi đáng sống”; đảm bảo sự hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên và các không gian đô thị - nông thôn, văn hóa, thể thao, du lịch, công nghiệp, nông nghiệp sinh thái theo hướng phát triển bền vững, thân thiện môi trường. Quốc phòng và an ninh được tăng cường, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm; tổ chức đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; khối đại đoàn kết dân tộc được tăng cường.

Để thực hiện đạt mục tiêu trên, tỉnh cần tập trung thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp sau:

*Một là*, Tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách phát triển và đẩy mạnh liên kết vùng thúc đẩy phát triển toàn diện các lĩnh vực. Liên kết vùng phải trở thành quan điểm chỉ đạo, chiến lược dẫn dắt sự phát triển của tỉnh gắn với phát triển toàn vùng. Phát huy tốt vai trò thành viên trong vùng ĐBSCL, chủ động và tích cực tham gia các hoạt động liên kết vùng nhằm góp phần khai thác hiệu quả các tiềm năng, lợi thế sẵn có của các địa phương; trong đó, đẩy mạnh hợp tác, liên kết phát triển giữa tỉnh Bến Tre với các tỉnh Tiểu vùng duyên hải phía Đông ĐBSCL (Bến Tre - Trà Vinh - Vĩnh Long - Tiền Giang), liên kết 04 tỉnh ABCD Mê Công (An Giang - Bến Tre - Cần Thơ - Đồng Tháp); hợp tác với Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành phố trọng điểm của các vùng kinh tế;... Tăng cường phối hợp với các địa phương trong vùng giải quyết những vấn đề liên tỉnh, thành phố thuộc thẩm quyền của các địa phương tạo động lực cho phát triển tỉnh. Tập trung hoàn thành và

triển khai Quy hoạch tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp với Quy hoạch vùng ĐBSCL bảo đảm tính liên kết, đồng bộ, thống nhất, hiệu quả và bền vững, tạo cơ sở để chuyển đổi mô hình phát triển từ chiều rộng sang chiều sâu, từ phân tán, nhỏ lẻ sang tập trung thông qua phát triển các chuỗi sản xuất, cụm ngành, hành lang kinh tế và chuỗi đô thị.

Thực hiện có hiệu quả Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; xây dựng cơ sở dữ liệu GIS về quy hoạch xây dựng đô thị tỉnh Bến Tre và ứng dụng công bố thông tin quy hoạch xây dựng đô thị. Đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa, phát triển hệ thống đô thị tỉnh theo Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Tiếp tục lồng ghép nội dung ứng phó biến đổi khí hậu, phát triển đô thị tăng trưởng xanh, đô thị thông minh trong định hướng, quy hoạch xây dựng đô thị nhằm đảm bảo tính đồng bộ trong liên kết vùng về phát triển đô thị thích ứng biến đổi khí hậu vùng ĐBSCL theo Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ.

Hoàn thiện và triển khai Chiến lược phát triển nông nghiệp bền vững tỉnh Bến Tre đến năm 2030; trong đó, chú trọng phát triển nông nghiệp sạch, hữu cơ, an toàn thực phẩm, nông nghiệp hiệu quả, ứng dụng mô hình kinh tế tuần hoàn; tăng hàm lượng khoa học và công nghệ, phát triển các khu nông nghiệp công nghệ cao; tiếp tục xây dựng một số vùng sản xuất tập trung gắn với phát triển chuỗi giá trị nhóm sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh. Phát triển trung tâm đầu mối gắn với vùng nguyên liệu chính về trái cây, rau màu của vùng ĐBSCL, ưu tiên phát triển mạnh các sản phẩm đặc sản nổi tiếng của tỉnh như bưởi da xanh, dưa xiêm cùng với những thương hiệu nội địa với chỉ dẫn địa lý rõ ràng; tận dụng vùng nguyên liệu nông sản dồi dào có sẵn để phát triển công nghiệp chế biến theo hướng công nghiệp 4.0 tập trung.

Tập trung hoàn chỉnh hạ tầng các khu, cụm công nghiệp; tiếp tục kêu gọi, thu hút đầu tư hạ tầng thương mại; củng cố, đầu tư và duy trì chợ truyền thống, phát triển chợ đầu mối, siêu thị, trung tâm thương mại/phân phối; khai thác hiệu quả các trục, hành lang kinh tế của tỉnh trong phát triển thương mại và dịch vụ logistic gắn với các chuỗi cung ứng; tăng cường liên kết, hợp tác giao thương, trung chuyển, kết nối thị trường hàng hóa của Bến Tre với các tỉnh lân cận, cả vùng ĐBSCL, Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Cần Thơ và các thị trường tiềm năng khác.

Đầu tư hạ tầng kỹ thuật để phát triển các vùng thâm canh, chuyên canh quy mô lớn. Xây dựng hệ thống thủy lợi đa mục tiêu, cống đập, kè sông, vừa đáp ứng yêu cầu sản xuất, vừa nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Chủ động hợp tác quốc tế trong việc bảo vệ và sử dụng có hiệu quả tài nguyên nước sông Mê Công. Phát triển hạ tầng điện phù hợp với quy hoạch và đồng bộ với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đảm bảo nhu cầu điện phục

vụ cho sản xuất, sinh hoạt; khai thác hiệu quả các nguồn năng lượng tái tạo như điện gió, điện khí. Ưu tiên đầu tư và nâng cấp mạng lưới giao thông đồng bộ, bảo đảm kết nối và rút ngắn khoảng cách/thời gian đi lại giữa tỉnh Bến Tre với các địa phương trong vùng ĐBSCL, Thành phố Hồ Chí Minh và kết nối các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh; kết nối các đường tỉnh, đường vào các khu, cụm công nghiệp với tuyến quốc lộ, tuyến cao tốc qua địa bàn, tạo thành mạng lưới giao thông thông suốt, hiệu quả; phối hợp với các bộ, ngành đầu tư các công trình giao thông trọng điểm; nâng cấp một số tuyến đường tỉnh, đường huyện đạt chuẩn; kêu gọi đầu tư cảng biển nước sâu, các cảng trung chuyển hàng hóa,...

*Hai là*, Chú trọng phát triển nhanh và bền vững kinh tế vùng. Đẩy mạnh cơ cấu lại kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn dựa trên hệ sinh thái, phù hợp với quy luật tự nhiên, đa dạng sinh học, văn hóa, con người Bến Tre.

Phát triển mạnh công nghiệp năng lượng, hỗ trợ, chế biến dừa, thủy sản và các ngành công nghiệp có tiềm năng phát triển khác trở thành ngành chủ lực của tỉnh, ứng dụng công nghệ hiện đại, chuyên môn hóa cao, tạo sức lan tỏa, thúc đẩy hợp tác, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, nhằm khai thác, sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên của địa phương gắn với bảo vệ môi trường. Thu hút đầu tư hạ tầng công nghiệp, đặc biệt là các khu/cụm công nghiệp ven biển nhằm góp phần phát triển kinh tế biển; thu hút các nhà đầu tư có năng lực, tiềm lực đầu tư các dự án công nghiệp có quy mô lớn, công nghệ hiện đại và giá trị gia tăng cao,... phù hợp với định hướng phát triển công nghiệp của tỉnh. Xúc tiến đầu tư dự án Điện khí hóa lỏng (LNG) tại Bến Tre; sản xuất và phân phối điện (điện gió, điện khí, nghiên cứu điện sinh khối...); sản xuất Hydro xanh, Amoniac xanh... Phát triển nông nghiệp hàng hóa, sinh thái, bền vững với các sản phẩm chủ lực và sản phẩm có tiềm năng, có thị trường tiêu thụ gắn với các cụm ngành nông nghiệp, thủy sản, các trung tâm đầu mối; phát triển các vùng sinh thái nông nghiệp dựa vào nguồn nước gồm vùng sinh thái nước ngọt, vùng chuyển tiếp ngọt - lợ; tập trung nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ và nông nghiệp sạch gắn với xây dựng nông thôn mới và tăng cường liên kết đô thị - nông thôn. Phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ, tạo môi trường thuận lợi để thu hút các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao, dịch vụ hỗ trợ nông nghiệp, công nghiệp và du lịch. Tập trung tháo gỡ khó khăn để thúc đẩy các ngành dịch vụ có tỷ trọng cao nhưng tăng trưởng còn thấp. Phát triển du lịch Bến Tre trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, điểm đến du lịch sinh thái, trải nghiệm văn hóa hấp dẫn và nghỉ dưỡng ngắn ngày lý tưởng đối với du khách; thu hút đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, xây dựng các sản phẩm du lịch đặc thù mang nét đặc trưng của Xứ Dừa Bến Tre tạo sức “hấp dẫn, độc đáo, đặc sắc riêng” của tỉnh. Xây dựng Bến Tre trở thành trung tâm logistics nông - thủy sản, logistics hàng hải (dịch vụ

cảng biển), sau khi tuyến đường ven biển liên tỉnh Tiền Giang - Bến Tre - Trà Vinh được đầu tư hoàn thành.

Phát huy thế mạnh kinh tế biển, triển khai hiệu quả chương trình phát triển thủy sản, trong đó tập trung phát triển 4.000 ha nuôi thủy sản nước lợ ứng dụng công nghệ cao; nâng cao tỷ trọng đóng góp của ngành thủy sản trong Khu vực I. Thu hút đầu tư phát triển du lịch biển gắn với các dự án năng lượng gió, sản xuất nông nghiệp - thủy sản. Tiếp tục nghiên cứu, lập Đề án phát triển khu kinh tế ven biển. Phát triển khoa học - công nghệ và đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trở thành động lực chủ yếu cho tăng trưởng kinh tế. Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ môi trường để phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn; hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia sâu vào các chuỗi giá trị trong khu vực, trong nước và thế giới, tận dụng được các cơ hội từ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và các hiệp định thương mại tự do song phương mà Việt Nam đã ký kết. Chú trọng đầu tư, phát triển hạ tầng số để xây dựng chính quyền số, kinh tế số. Tạo điều kiện tăng cường liên kết doanh nghiệp với các trường đại học, các tổ chức nghiên cứu khoa học công nghệ, trong đó tập trung vào nâng cao năng lực của doanh nghiệp về tiếp thu, làm chủ công nghệ, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa; tăng cường kết nối các hoạt động khởi nghiệp với các viện, trường, khu công nghệ cao cả nước.

*Ba là*, Tập trung phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân. Tiếp tục đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục đào tạo theo hướng phát triển toàn diện con người đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Đầu tư hoàn chỉnh mạng lưới trường, lớp học các cấp theo hướng đồng bộ và đạt chuẩn quốc gia, nâng cấp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên. Xây dựng hoàn thành và triển khai Đề án thành lập Trường Đại học Tây Nam Bộ là thành viên Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; tiếp tục triển khai Đề án sắp xếp lại tổ chức bộ máy Trường Cao đẳng Bến Tre. Tăng cường liên kết vùng để tư vấn, kết nối, giới thiệu việc làm cho người lao động; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ; đẩy mạnh công tác đào tạo nghề, gắn với thị trường xuất khẩu lao động và đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động cả về số lượng và chất lượng. Tiếp tục thực hiện Đề án thí điểm về đảm bảo an sinh xã hội tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030, góp phần đảm bảo mức sống của hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ chính sách người có công có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống dân cư.

Đầu tư đúng mức cho công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trong tình hình mới, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực y tế đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh cho Nhân dân; đảm bảo 100% trạm y tế xã và phòng khám đa khoa khu vực liên xã được đầu tư xây dựng đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất; đảm bảo 100% trạm y tế xã đều có bác sĩ phục vụ khám, chữa bệnh cho

Nhân dân.

*Bốn là*, Tăng cường quốc phòng, an ninh kết hợp với phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội theo các quy hoạch, đề án, kế hoạch có tính khả thi cao, gắn với bảo đảm an ninh kinh tế trong tình hình mới. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành và các tầng lớp Nhân dân về củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên, xây dựng, củng cố thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững mạnh,... Chú trọng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng biển, kết hợp với đảm bảo quốc phòng, an ninh; kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng - quốc phòng với kinh tế.

Thực hiện tốt công tác nắm tình hình, quản lý chặt địa bàn, đối tượng; kịp thời phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn, vô hiệu hóa mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động; kiên quyết làm thất bại âm mưu “Diễn biến hòa bình”, gây bạo loạn, lật đổ và các thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch. Chủ động tấn công, trấn áp các loại tội phạm; giải quyết ổn định các vụ việc phức tạp nổi lên ngay tại cơ sở, không để hình thành “điểm nóng” về an ninh, trật tự. Tiếp tục triển khai xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, huyện biên giới biển vững mạnh về mọi mặt.

*Năm là*, Tập trung xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị.

Tập trung xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI; Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương khoá XIII về đẩy mạnh xây dựng chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” và Kế hoạch số 03-KH/TW, ngày 01/12/2021 của Bộ Chính trị khoá XIII gắn với Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh nhằm thực hiện hiệu quả các chủ trương về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền, bảo đảm kiến tạo, liêm chính, hành động; xây dựng chính quyền từ tỉnh đến cơ sở theo phương châm: “Chính quyền mạnh, trách nhiệm cao, sáng tạo, phục vụ Nhân dân, đồng hành cùng doanh nghiệp”. Nâng cao đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, thế hệ trẻ. Kiên trì, kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiêu cực. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của các cấp chính quyền. Xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, tiên phong và gương mẫu về đạo đức, lối sống.

Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có bản lĩnh chính trị, tính chuyên nghiệp cao, có chất lượng cao, có số lượng, cơ cấu hợp lý, bố trí đúng vị trí việc làm, năng động, sáng tạo, nhất là đội ngũ lãnh đạo, quản lý các cấp. Đổi mới mạnh mẽ tác phong, phong cách lề lối làm việc, đẩy nhanh tốc độ giải quyết công việc; lấy công việc làm trọng tâm, lấy hiệu quả, kết quả công việc làm thước đo đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị, cá nhân. Đẩy mạnh cải cách hành chính; phát triển chính quyền điện tử, hướng đến chính quyền số, nền kinh tế số và xã hội số, đô thị thông minh; đề cao trách nhiệm người đứng đầu; bảo vệ cán bộ đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; phát huy truyền thống cách mạng quê hương Đồng Khởi, khơi dậy ý chí, khát vọng phát triển, tinh thần cống hiến của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực. Đổi mới công tác dân vận, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội, nhất là hoạt động giám sát, phản biện xã hội; củng cố khối đại đoàn kết dân tộc.

## **CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO GÓP PHẦN THỰC HIỆN THẮNG LỢI NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XI ĐẢNG BỘ TỈNH**

**Cao Văn Dũng**

**Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy**

*Gần nửa nhiệm kỳ qua, công tác tuyên giáo của Đảng bộ tỉnh đã đạt được nhiều kết quả nổi bật, góp phần ổn định tư tưởng cán bộ, đảng viên và nhân dân, tạo khí thế phấn khởi, cổ vũ toàn Đảng, toàn quân và toàn dân phấn đấu thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh trong điều kiện bình thường mới.*

### **Kết quả nổi bật**

Dưới sự chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, ngành tuyên giáo đã kịp thời tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị lớn để triển khai, quán triệt Nghị quyết (NQ) Đại hội Đảng các cấp, NQ Đại hội XI Đảng bộ tỉnh, NQ Đại hội XIII của Đảng, 18 văn bản cụ thể hóa NQ Đại hội XI Đảng bộ tỉnh; nội dung tác phẩm “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam” của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng. Quan tâm công tác tuyên truyền, cổ vũ việc thực hiện NQ Tỉnh ủy về phương hướng, nhiệm vụ năm 2021, 2022 gắn với quán triệt sâu rộng chủ đề từng năm của Tỉnh ủy “Đồng thuận - Sáng tạo” và “Đồng thuận - Sáng tạo - Phát triển”; phát động phong trào thi đua “Đồng khởi mới” giai đoạn 2020 - 2025, với phương châm “Hai chân - Ba mũi” sát với nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị, khơi dậy và phát huy ý chí, khát vọng vươn lên của cán bộ, đảng viên và nhân dân, thể hiện rõ nét trong đợt thi đua phòng chống dịch Covid-19. Huy động tối đa các nguồn lực của cả hệ thống chính trị



tuyên truyền đậm nét việc triển khai thực hiện các công trình, dự án trọng điểm của tỉnh, trong đó có 2 sự kiện có ý nghĩa chính trị, kinh tế - xã hội quan trọng là Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Rạch Miễu 2 và chuỗi các hoạt động kỷ niệm 200 năm Ngày sinh Danh nhân Nguyễn Đình Chiểu. Phối hợp với các cơ quan báo, đài trong và ngoài tỉnh tích cực tuyên truyền các chủ trương, chính sách của tỉnh; về đất và người Bến Tre; về tiềm năng, thế mạnh của tỉnh để kêu gọi, thu hút đầu tư... thông qua các chuyên trang, chuyên mục, video clip.

Ngành tuyên giáo đã chủ động tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai sơ kết, tổng kết các chỉ thị, NQ của Trung ương, Tỉnh ủy trên lĩnh vực công tác tư tưởng, lý luận chính trị, tuyên truyền, văn hóa, văn nghệ, khoa giáo, lịch sử đảng; biên soạn tài liệu tuyên truyền chủ đề năm của Tỉnh ủy, chuyên đề toàn khóa, chuyên đề năm 2021, chuyên đề năm 2022. Cùng với đó, công tác thông tin đối ngoại; công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; tuyên truyền phòng chống âm mưu “Diễn biến hòa bình”, tham nhũng, tiêu cực, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong cán bộ, đảng viên; công tác thẩm định, biên soạn lịch sử Đảng bộ địa phương... được triển khai thực hiện đồng bộ.

Công tác nắm tình hình tư tưởng, dư luận xã hội trước những vấn đề nhạy cảm, phức tạp được chú trọng, kịp thời định hướng thông tin, nhất là những thời điểm diễn ra sự kiện chính trị quan trọng, triển khai công tác giải tỏa, đền bù, thực hiện các công trình, dự án. Đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên các cấp tiếp tục được củng cố, kiện toàn. Công tác tuyên truyền miệng được đẩy mạnh, góp phần tích cực trong việc đưa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước lan tỏa sâu rộng trong mọi tầng lớp nhân dân. Thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội, các sở, ngành trong khối thông tin, khoa giáo với cơ quan làm công tác tuyên giáo trong việc triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết các vấn đề nhân dân quan tâm, tạo sự đồng thuận xã hội.

### **Nhiệm vụ trọng tâm thời gian tới**

Trong thời gian tới, để thực hiện thắng lợi NQ Đại hội XI Đảng bộ tỉnh, công tác tuyên giáo cần tập trung tham mưu thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

Đổi mới mạnh mẽ phương pháp tuyên truyền, tổ chức học tập, quán triệt các NQ, chỉ thị, kết luận của Trung ương, của tỉnh; cụ thể hóa chủ trương, chính sách phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của từng địa phương. Đẩy mạnh tuyên truyền sâu rộng NQ Đại hội Đảng các cấp, NQ Đại hội XI Đảng bộ tỉnh, NQ Đại hội XIII của Đảng, Chương trình số 14-CTr/TU của Tỉnh ủy thực hiện NQ Đại hội XIII của Đảng; 18 văn bản cụ thể hóa NQ Đại hội XI Đảng bộ tỉnh gắn với cổ vũ, động viên cán bộ, đảng viên và cả hệ thống chính trị nỗ lực thực hiện phong trào thi đua

“Đông Khởi mới”; trong đó, tập trung tuyên truyền, cổ vũ mạnh mẽ cho việc thực hiện nội dung “Hai chân - Ba mũi”; tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá các công trình, dự án, trọng điểm của tỉnh... tạo sự thống nhất trong toàn Đảng bộ, sự đồng thuận cao trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, quyết tâm thực hiện thắng lợi NQ Đại hội XI Đảng bộ tỉnh.

Tham mưu cấp ủy triển khai thực hiện nghiêm Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, Kết luận số 21-KL/TW về tiếp tục thực hiện NQ Trung ương 4 khóa XII, Quy định số 272-QĐ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, công chức, viên chức là đảng viên và tiêu chí đánh giá thực hiện trách nhiệm nêu gương. Xây dựng kế hoạch tổ chức học tập, quán triệt chuyên đề toàn khóa, chuyên đề các năm còn lại của nhiệm kỳ sâu rộng trong toàn hệ thống chính trị và mọi tầng lớp nhân dân. Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức học tập, tuyên truyền về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, góp phần khắc phục sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân. Kịp thời biểu dương, nhân rộng các cá nhân, tập thể điển hình tiêu biểu trong học tập và làm theo Bác.

Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn; nâng cao chất lượng giảng dạy, giáo dục lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm “kim chỉ nam” cho mọi hành động. Tăng cường công tác nghiên cứu, biên soạn và thẩm định lịch sử đảng bộ, lịch sử truyền thống của các đơn vị, địa phương; phối hợp tốt với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện thành công biên niên Lịch sử Đảng bộ tỉnh giai đoạn 2010 - 2020. Quan tâm công tác giáo dục truyền thống yêu nước, truyền thống cách mạng, bồi dưỡng cho thế hệ trẻ lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc, ý chí tự lực tự cường và khát vọng xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp.

Chủ động nắm bắt tình hình tư tưởng, tâm trạng xã hội, kịp thời phản ánh và định hướng dư luận xã hội trước những vấn đề phức tạp, nhạy cảm của tình hình thế giới, khu vực. Theo dõi sâu sát cơ sở để nắm tình hình dư luận liên quan đến việc triển khai, thực hiện NQ, nhất là những vấn đề cán bộ, đảng viên và nhân dân băn khoăn, ý kiến trái chiều, vấn đề nổi cộm, bức xúc để thông tin nhanh chóng đáp ứng yêu cầu công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy. Tăng cường định hướng thông tin trên hệ thống báo, đài. Phối hợp với báo, đài trong và ngoài tỉnh tuyên truyền sâu, liên tục các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, cổ vũ, động viên các phong trào thi đua yêu nước, tinh tiên phong, nêu gương trong thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, đảng viên.

Tập trung lãnh đạo, phối hợp triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung ký kết giữa Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy với các cơ quan quản lý nhà nước, với MTTQ và các đoàn thể, các ngành trong khối khoa giáo. Trọng tâm là phối hợp thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động cán bộ, đảng viên và nhân dân đồng thuận trong việc thực hiện các công trình, dự án lớn của tỉnh, của các địa phương.

Thường xuyên củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên giáo theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Quan tâm công tác bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên giáo đủ bản lĩnh chính trị; có kỹ năng nói, viết thành thạo; nhạy bén trong phân tích, dự báo thông tin kịp thời, chính xác để tham mưu, định hướng dư luận trước những vấn đề nhạy cảm, dư luận quan tâm.

## **TĂNG CƯỜNG CHỈ ĐẠO CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH**

Thời gian gần đây, tình hình bệnh sốt xuất huyết, tay chân miệng, sởi, ho gà, bệnh dại,... tăng cao tại một số tỉnh, thành phố khu vực miền Nam. Tại tỉnh Bến Tre, tính đến ngày 03/7/2022, đã ghi nhận 581 ca sốt xuất huyết, 405 ca tay chân miệng; 9 ca bệnh dại, tử vong 9 ca, ghi nhận 6 ổ dịch dại gồm: Thành phố Bến Tre: 2 ổ; Châu Thành: 1 ổ; Chợ Lách: 1 ổ; Mỏ Cày Nam: 2 ổ. Dự báo số ca mắc sốt xuất huyết, tay chân miệng, bệnh dại,... có nguy cơ tăng và có thể bùng phát trên diện rộng nếu không kịp thời triển khai các biện pháp phòng, chống. Ngoài ra, dịch bệnh COVID-19 tuy cơ bản được kiểm soát, nhưng biến thể phụ của Omicron đã xâm nhập vào nước ta và có khả năng lây lan nhanh, có thể làm cho dịch bệnh gia tăng trở lại.

Thực hiện Công văn số 3237-CV/BTGTW ngày 28/6/2022 của Ban Tuyên giáo Trung ương về việc tăng cường chỉ đạo công tác phòng, chống dịch bệnh; để kiểm chế, kiểm soát tốt dịch bệnh trên địa bàn, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Công văn số 2400-CV/TU, ngày 11/7/2022 yêu cầu các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cả hệ thống chính trị tập trung thực hiện quyết liệt, đồng bộ các biện pháp phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn. Trong đó, quan tâm một số nội dung sau:

1. Các cấp ủy, chính quyền, nhất là người đứng đầu các địa phương, đơn vị nâng cao tinh thần cảnh giác, đề cao trách nhiệm, không chủ quan, lơ là trong công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19, bệnh sốt xuất huyết, tay chân miệng, sởi, ho gà, bệnh dại,...; chuẩn bị sẵn sàng các phương án, kịch bản cụ thể để ứng phó khi có tình huống xảy ra; quan tâm công tác kiểm tra, giám sát phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn được giao phụ trách/quản lý, nhất là những nơi có nguy cơ bùng

phát dịch; đưa nội dung phòng, chống dịch bệnh là nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung chỉ đạo ngay tại địa phương.

Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh ủy viên, cán bộ tỉnh được phân công theo dõi, hỗ trợ xã, phường, thị trấn: Thường xuyên giữ mối liên hệ, nắm chắc tình hình địa bàn, đơn vị phụ trách, phối hợp với lãnh đạo địa phương chủ động xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong công tác phòng, chống dịch bệnh và nhắc nhở, đôn đốc, chấn chỉnh những địa phương còn lơ là, chủ quan, chưa thực hiện tốt.

**2.** Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tỉnh, cấp huyện, cấp xã triển khai đồng bộ, có kết quả Chỉ thị số 11-CT/TU, ngày 20/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường tiêm vắc-xin phòng COVID-19; rà soát, cập nhật, điều chỉnh các biện pháp phòng, chống dịch bệnh COVID-19 sát thực tiễn; đẩy nhanh tiến độ tiêm vắc-xin mũi nhắc lại (mũi 3, mũi 4) cho các đối tượng theo khuyến cáo của Bộ Y tế; tổ chức tổng kết công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 để đánh giá, rút kinh nghiệm và biểu dương, khen thưởng các cá nhân, tập thể có thành tích tiêu biểu trong công tác phòng, chống dịch bệnh. Đồng thời phê bình, kiểm điểm làm rõ trách nhiệm những cơ quan, đơn vị chưa thực hiện nghiêm công tác phòng, chống dịch.

**3.** Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Y tế triển khai đồng bộ các giải pháp nghiệp vụ trong phòng, chống dịch bệnh sốt xuất huyết, tay chân miệng, sởi, ho gà, bệnh dại,... Chỉ đạo các cơ sở y tế thực hiện việc thu dung, phân tuyến khoa học, tăng cường năng lực chẩn đoán, điều trị, hạn chế thấp nhất trường hợp tử vong; đồng thời, đảm bảo đầy đủ cơ số thuốc, sinh phẩm, vật tư, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống dịch và khám, chữa bệnh, không để xảy ra tình trạng thiếu thuốc, thiếu vật tư y tế.

**4.** Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn chủ động phối hợp với các đơn vị, địa phương vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia các hoạt động phòng, chống dịch bệnh (vệ sinh môi trường, diệt lăng quăng, bọ gậy, loại bỏ các vật dụng phế thải có chứa nước đọng ở các khu dân cư; vận động người dân không thả rông chó, mèo, thực hiện tiêm vắc-xin phòng bệnh dại đầy đủ, đúng lịch,...); giám sát, nắm chắc các đối tượng tiêm vắc-xin phòng COVID-19 mũi nhắc lại (mũi 3, mũi 4) theo hướng dẫn của ngành y tế, kịp thời tham mưu cấp ủy thực hiện tốt công tác tiêm vắc-xin phòng COVID-19.

**5.** Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tăng cường chỉ đạo, định hướng công tác tuyên truyền về các biện pháp phòng, chống dịch bệnh COVID-19, sốt xuất huyết, tay chân miệng, sởi, ho gà, bệnh dại,... trên hệ thống báo, đài của tỉnh.

6. Các ban đảng tỉnh, ban cán sự đảng, đảng đoàn, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn; các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và lãnh đạo các ngành, các cấp phải gương mẫu đi đầu trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm về các hoạt động phòng, chống dịch tại địa phương, cơ quan, đơn vị, lĩnh vực mình phụ trách.

### **Ban Biên tập**

***Tổng Giám đốc Tập đoàn Trung Nam Nguyễn Tâm Tiến:***

### **CON NGƯỜI - HÀNH TINH - HIỆU QUẢ LÀM KIM CHỈ NAM CHO MỌI HÀNH ĐỘNG**

***BBT: Trungnam Group là một trong những tập đoàn kinh tế hàng đầu trong nước, là đối tác hợp tác chiến lược của tỉnh, góp phần thực hiện mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XI Đảng bộ tỉnh đề ra và khát vọng phát triển của tỉnh. BBT có cuộc trò chuyện với ông Nguyễn Tâm Tiến, Tổng Giám đốc Tập đoàn Trung Nam xung quanh hoạt động của Tập đoàn và chương trình hợp tác đầu tư tại Bến Tre. Trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.***

**BBT: Thưa ông Tổng giám đốc, Trungnam Group là một trong những tập đoàn kinh tế tư nhân hàng đầu trong nước, là đối tác chiến lược của tỉnh Bến Tre. Vậy ông có thể giới thiệu khái quát về Tập đoàn?**

**- Ông Nguyễn Tâm Tiến:** Tập đoàn Trungnam Group chúng tôi là một doanh nghiệp tư nhân có hơn 18 năm kinh nghiệm trong các lĩnh vực như Năng lượng, Hạ tầng - Xây dựng, Bất động sản và Công nghệ thông tin điện tử. Những năm gần đây chúng tôi đã có nhiều dự án trên khắp các vùng miền cả nước nhằm khai thác thế mạnh của các tỉnh thành, mang lại những giá trị kinh tế góp phần thúc đẩy sự phát triển chung của địa phương.

Đối với mảng Năng lượng tái tạo (NLTT), hiện nay chúng tôi đã đóng góp 1,63GW công suất năng lượng tái tạo vào lưới điện quốc gia. Các dự án của chúng tôi có mặt trên các tỉnh thành từ miền Trung, Tây Nguyên cho đến tận miền Tây Nam Bộ. Riêng trong năm 2021, Trungnam Group đã đưa vào vận hành thêm 03 nhà máy NLTT gồm: nhà máy điện gió trên bờ có công suất lớn nhất Việt Nam với 400MW - Nhà máy điện gió Ea Nam (Đắk Lắk)... Cùng với nhà máy điện gió trên biển - Nhà máy điện gió Đông Hải 1 - 100MW tại Trà Vinh và Nhà máy điện gió số 5 - 46,2MW tại tỉnh Ninh Thuận. Đó là thành quả mà chúng tôi vô cùng tự hào bởi vì các nhà máy được hoàn thành trong thời gian rất ngắn, mặc cho phải đối diện với dịch bệnh Covid diễn biến phức tạp, điều đó thể hiện ý chí và lòng quyết tâm cao độ của cả tập thể Trungnam Group - không khuất phục trước những khó khăn, thách thức đặt ra.

Đối với mảng Hạ tầng - Xây dựng, chúng tôi là nhà đầu tư xây dựng các công trình trọng điểm, với qui mô cấp Quốc gia, trong đó nổi bật là các công trình: Giải quyết ngập do triều khu vực Thành phố Hồ Chí Minh có xét đến yếu tố biến đổi khí hậu (giai đoạn 1), Cầu vượt ngã ba Huế, cầu Bạch Đằng - Hải phòng.

Tính đến thời điểm này, Trungnam Group đã tham gia vào thị trường bất động sản tại các tỉnh thành như thành phố Đà Nẵng, tỉnh Ninh Thuận... với các khu đô thị hiện đại như Khu Công nghệ Thông tin tập trung Đà Nẵng (DITP - tại Đà Nẵng), Khu đô thị Golden Hills (Đà Nẵng), Khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp Bình Tiên (tỉnh Ninh Thuận)...

Đối với mảng Công nghiệp thông tin, hiện tại chúng tôi đang sở hữu nhà máy công nghệ cao EMS đặt tại Đà Nẵng, áp dụng công nghệ Surface Mount Technology (SMT) là ngành điện tử với công nghệ bo mạch - công nghệ chính được sử dụng để lắp ráp bo mạch, trong sản xuất thiết bị điện tử. Điều này đã đưa Trungnam Group đến với các đối tác là các tập đoàn công nghệ nước ngoài và cung cấp những dịch vụ cho các công ty hoạt động trong lĩnh vực CNTT, dịch vụ IT, các sản phẩm điện tử, sản phẩm thông tin số, ITO, BPO, R&D - đào tạo IT...

Trungnam Group hiện có hơn 2.500 cán bộ nhân viên và 24 công ty thành viên hoạt động tạo thành một hệ sinh thái phát triển bền vững. Không dừng lại với những thành quả đã đạt được, chúng tôi tiếp tục đặt ra mục tiêu cho 05 năm tiếp theo chiến lược: Con người - Hành tinh - Hiệu quả làm kim chỉ nam trong tất cả các hoạt động của mình. Đây là định hướng giúp Trungnam Group vững vàng hơn trên con đường tạo dựng những giá trị bền vững cho toàn thể cán bộ nhân viên và cộng đồng, xã hội.

Bên cạnh hoạt động đầu tư, kinh doanh, Tập đoàn chúng tôi đã liên tục quan tâm đến các hoạt động xã hội, góp phần chia sẻ khó khăn và nâng cao chất lượng sống của người dân các địa phương trên khắp cả nước với số lên tới hơn 1000 tỷ đồng. Riêng tại Bến Tre, Trungnam Group đã đóng góp hơn 100 tỷ đồng cho các hoạt động như đầu tư xây dựng Trường THCS Châu Hòa - Huyện Giồng Trôm và xây tặng nhà Đại đoàn kết cho những hoàn cảnh khó khăn,...

**BBT: Trong quá trình hợp tác với tỉnh Bến Tre, Tập đoàn sẽ ưu tiên những lĩnh vực nào? Các dự án đã và đang triển khai nghiên cứu, đầu tư tại Bến Tre ở thời điểm hiện tại và trong tương lai?**

- **Ông Nguyễn Tâm Tiến:** Đến đầu tư tại tỉnh Bến Tre, chúng tôi tập trung vào các thế mạnh của địa phương và đã có những cuộc khảo sát rất cụ thể để tìm hiểu và đưa ra những quyết định phù hợp. Hiện tại, chúng tôi tập trung vào 03 mảng đầu tư chính, bao gồm:

+ **Mảng Năng lượng tái tạo với hơn 5000MW điện gió ngoài khơi.** Hiện chúng tôi đã đề xuất đến các cơ quan ban ngành địa phương cũng như có sự chuẩn

bị chu đáo để tiến hành khi được thông qua.

+ **Sản xuất công nghiệp: Trọng tâm là sản xuất Hydro xanh để ưu tiên sử dụng nguồn năng lượng tái tạo sản xuất tại địa phương.** Dự án Tổ hợp Năng lượng xanh Bến Tre được đầu tư xây dựng chia làm 05 giai đoạn, dự kiến vận hành toàn bộ nhà máy vào năm 2038. Hiện chúng tôi đã có những bước chuẩn bị đầu tiên và sắp tới đây sẽ là đề xuất với lãnh đạo địa phương.

Dự án Tổ hợp Năng lượng xanh Bến Tre - sản xuất Hydro xanh (Green Hydrogen) dựa trên việc sử dụng nguồn điện tái tạo như điện gió, điện mặt và hệ thống pin lưu trữ (ESS) kết hợp quá trình điện phân nước. Dự án với quy mô nguồn cấp bao gồm 5.000 MW điện gió ngoài khơi, 2.000MW điện mặt trời và 300 MWh hệ thống pin lưu trữ (ESS). Hệ thống cấp nguồn cho nhà máy Hydro với công suất bộ điện phân là 2.750 MW.

+ Thời điểm hiện nay, các tỉnh thành miền Tây đang có sự chuyển mình với sự phát triển đồng bộ về hạ tầng, cơ sở vật chất. Các khu đô thị mới cũng sẽ được đầu tư mới nhằm thu hút dân cư cũng như các nguồn lao động chất lượng cao, chúng tôi đã tập trung quy hoạch các khu đô thị theo hướng xanh bền vững, phù hợp với địa hình cũng như thế mạnh của tỉnh Bến Tre. Hiện tại, chúng tôi cũng đã đề xuất nghiên cứu, khảo sát các dự án bất động sản với quy mô dự kiến khoảng 300 hecta tại tỉnh nhà. Đây sẽ là mô hình với hệ sinh thái phát triển bền vững bao gồm khu công nghiệp, khu đô thị mới phù hợp với xu hướng phát triển của thế giới.

**BBT: Về sản xuất Hydro xanh và nhu cầu tiêu thụ Hydro xanh trong nước và thế giới hiện nay?**

- **Ông Nguyễn Tâm Tiến:** Theo báo cáo từ Ban Chiến lược Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), Hydro “xanh” sẽ dần thay thế các nguồn nhiên, nguyên liệu hóa thạch để hình thành một nền kinh tế Hydro. Nhu cầu Hydro năm 2050 dự báo sẽ bùng nổ so với năm 2015, từ 56 triệu tấn lên 54,6 tỷ tấn Hydro. Với ứng dụng Hydro ở quy mô này sẽ tạo ra khoảng 30 triệu việc làm với nguồn doanh thu khoảng 2.500 tỷ USD/năm....

Điều này đã khiến nhiều quốc gia và các Tập đoàn năng lượng, dầu khí trên thế giới đã bắt tay vào xây dựng và triển khai Chiến lược phát triển Hydro với mục tiêu trở thành những quốc gia, doanh nghiệp dẫn đầu trong ngành Công nghiệp Hydro trong tương lai. Theo nhu cầu Hydro xanh thế giới đến năm 2030 là 200 triệu tấn/ năm và đến 2050 là đến 800 triệu tấn hydro xanh/ năm cho thấy đây là nhu cầu năng lượng xanh rất lớn và là một lĩnh vực tiềm năng cho Việt Nam nói chung và các tỉnh miền tây như Bến Tre nói riêng.

Trungnam Group chúng tôi cho rằng đây sẽ là cơ hội để Việt Nam tận dụng được nguồn lực của mình để phát triển ngành công nghiệp sản xuất Hydro phục vụ phát triển kinh tế.

Dự án Tổ hợp Năng lượng xanh Bến Tre - dự án sản xuất Hydro xanh (Green Hydrogen) dựa trên việc sử dụng nguồn điện tái tạo như điện gió, điện mặt trời và hệ thống pin lưu trữ (ESS) kết hợp quá trình điện phân nước.

Dự án có công suất bộ điện phân của nhà máy là 2.750MW. 70% sản phẩm Hydro tạo ra dùng để tổng hợp Amoniac tương đương 1,17 triệu tấn/năm, 30 % sản phẩm Hydro còn lại tương đương 90.167 tấn/năm. Các sản phẩm Amoniac và Hydro phục vụ cho các nhu cầu sử dụng trong nước cũng như là xuất khẩu tới các thị trường như Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore,...

Ngoài sản phẩm chính là Hydro và Amoniac, sản phẩm phụ của nhà máy còn có Oxy (phục vụ y tế), nước nóng (cung cấp nhiệt cho các nhà máy lân cận trong khu vực) và sản xuất phân đạm từ Amoniac (NH<sub>3</sub>),...

Nguồn điện dư cũng có thể tích trữ để cung cấp điện xanh cho các doanh nghiệp theo cơ chế DPPA hoặc hỗ trợ lưới điện của EVN khi có yêu cầu.

Đây sẽ là ngành công nghiệp có đóng góp rất tích cực vào mục tiêu trung hòa carbon vào năm 2050 của Chính phủ, đồng thời cũng là mục tiêu mà những doanh nghiệp ngành năng lượng tái tạo hướng tới.

Chúng tôi hy vọng việc đầu tư sớm vào lĩnh vực này có thể tạo ra những giá trị tích cực không chỉ cho địa phương, doanh nghiệp, mà nó còn có tác động đến mục tiêu giảm phát thải chung của Quốc gia và thế giới.

*Trân trọng cảm ơn ông!*

**BBT**

## **TIẾN ĐỘ BÀN GIAO MẶT BẰNG CHO NHÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH CẦU RẠCH MIỄU 2 VÀ ĐƯỜNG GOM**

**Cao Minh Đức, TUV, Giám đốc Sở Giao thông vận tải**

Dự án cầu Rạch Miễu 2 được khởi công vào ngày 29/3/2022, sau lễ khởi công, chủ đầu tư, địa phương và các đơn vị có liên quan tập trung, khẩn trương đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng nhằm sớm bàn giao mặt bằng thi công cho đơn vị thi công. Việc giải phóng mặt bằng Dự án Đường gom - đường vào cầu Rạch Miễu 2 được thực hiện cùng lúc với Dự án cầu Rạch Miễu 2.

### **\* Về tiến độ giải phóng mặt bằng Dự án cầu Rạch Miễu 2**

Công tác giải phóng mặt bằng Dự án cầu Rạch Miễu 2 được tách thành Tiểu dự án giải phóng mặt bằng cầu Rạch Miễu 2 có tổng mức đầu tư 457 tỷ đồng (*trong đó: chi phí giải phóng mặt bằng 378,448 tỷ đồng; chi phí dự phòng 78,588 tỷ đồng*). Tổng số hộ dân bị ảnh hưởng 543 hộ/671 thửa đất (*trong đó: huyện Châu Thành gồm 226 hộ/264 thửa đất thuộc địa bàn các xã: Phú Túc, An Khánh, Tường Đa,*



*Tam Phước; thành phố Bến Tre gồm 317 hộ/407 thửa đất thuộc địa bàn các xã: Sơn Đông, Bình Phú).*

Bộ Giao thông vận tải chấp thuận phương án bồi thường, hỗ trợ của 04 đợt với tổng kinh phí là 399,11 tỷ đồng/ khoảng 255.650,4m<sup>2</sup>/343 hộ dân. Tổng số các đợt đã phê duyệt phương án bồi thường là 277,861 tỷ đồng/khoảng 117.327,8m<sup>2</sup>/207 hộ dân. Đã chi trả 259,304 tỷ đồng/khoảng 100.000m<sup>2</sup>/183 hộ dân. Trong đó: Phía huyện Châu Thành: đã hoàn thành công tác kiểm kê với tổng số hộ là 226/226 hộ (*không bao gồm chi trả cho 17/17 hộ dân di dời mộ với số tiền 1,234 tỷ đồng*). Phương án bồi thường được duyệt trên địa bàn xã An Khánh và Phú Túc là 93 hộ/120,929 tỷ đồng, đã chi trả 88 hộ (đạt 95%) với số tiền 115,56 tỷ đồng (đạt 95,5%); địa bàn xã Tam Phước và Tường Đa đã được Bộ Giao thông vận tải chấp thuận phương án bồi thường với số tiền 132,153 tỷ đồng với 133 hộ dân và đã công bố dự thảo phương án bồi thường ra dân ngày 05/5/2022.

Phía thành phố Bến Tre: đã hoàn thành công tác kiểm đếm với tổng số hộ là 317/317 hộ (*không bao gồm đã chi trả cho 33/34 hộ dân di dời mộ với số tiền 4,757 tỷ đồng*). Phương án bồi thường được duyệt trên địa bàn xã Bình Phú và một phần xã Sơn Đông là 112 hộ/145,268 tỷ đồng, đã chi trả 92 hộ dân (đạt 82%) với số tiền 137,752 tỷ đồng (đạt 96%); địa bàn còn lại của xã Sơn Đông đã dự thảo phương án bồi thường cho 203 hộ/247,776 tỷ đồng và đã công bố ra dân, kết quả có 97 hộ/203 hộ dân (đạt 48%) đồng ý phương án với số tiền 129 tỷ đồng (đạt 52%).

Về bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công: Đã bàn giao mặt bằng 132/543 hộ với diện tích 79.236,9 m<sup>2</sup>/365.582 m<sup>2</sup>. Trong đó, huyện Châu Thành bàn giao mặt bằng được 47.609,8 m<sup>2</sup> (85/226 hộ); thành phố Bến Tre bàn giao mặt bằng được 31.627,1 m<sup>2</sup> (47/317 hộ).

Đang triển khai thực hiện di dời các công trình hạ tầng kỹ thuật bị ảnh hưởng bởi dự án (điện, nước, viễn thông...)

### **VỀ TIẾN ĐỘ CÔNG TÁC GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐƯỜNG GOM**

Chi phí giải phóng mặt bằng của dự án theo tổng mức đầu tư được duyệt là 300,512 tỷ đồng. Tổng số hộ bị ảnh hưởng 561 hộ/785 thửa đất (*trong đó: huyện Châu Thành gồm 185 hộ/291 thửa đất thuộc địa bàn các xã: Phú Túc, An Khánh, Tường Đa, Tam Phước; thành phố Bến Tre gồm 376 hộ/494 thửa đất thuộc địa bàn các xã: Sơn Đông, Bình Phú*).

Tổng số các đợt đã phê duyệt phương án bồi thường là 119,911 tỷ đồng/khoảng 84.830m<sup>2</sup>/112 hộ dân. Đã chi là 95,854 tỷ đồng/khoảng 60.000m<sup>2</sup>/73 hộ dân. Trong đó:

Phía huyện Châu Thành đã hoàn thành công tác kiểm kê với tổng số hộ là 185/185 hộ (*không bao gồm chi trả cho 06/06 hộ dân di dời mộ với số tiền 1,189 tỷ đồng*). Phương án bồi thường được duyệt trên địa bàn xã An Khánh và Phú Túc là 73 hộ/67,845 tỷ đồng, đã chi trả 48 hộ (đạt 66%) với số tiền 51,953 tỷ đồng (đạt

76%); địa bàn xã Tam Phước và Tường Đa đã lập phương án bồi thường cho 112 hộ dân/64,094 tỷ đồng và đã công bố phương án bồi thường ra dân ngày 05/5/2022.

Phía thành phố Bến Tre đã hoàn thành công tác kiểm đếm với tổng số hộ là 376/376 hộ (*không bao gồm chi trả cho 38/38 hộ dân di dời mộ với số tiền 3,679 tỷ đồng*): Phương án bồi thường được duyệt trên địa bàn xã Bình Phú và 01 phần xã Sơn Đông: trong phương án bồi thường được duyệt 35 hộ/45,841 tỷ đồng, đã chi trả 34 hộ (đạt 96%) với số tiền 42,024 tỷ đồng (đạt 91%); đang chuẩn bị phê duyệt tiếp phương án bồi thường cho 87 hộ khoảng 70,5 tỷ đồng, còn 02 hộ đang bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ trình phê duyệt; Địa bàn còn lại của xã Sơn Đông đã lập phương án bồi thường với kinh phí khoảng 210 tỷ đồng cho 252 hộ và công bố dự thảo phương án bồi thường ra dân vào ngày 19/5/2022.

Công tác bàn giao mặt bằng: huyện Châu Thành đã bàn giao mặt bằng của 49/561 hộ dân với diện tích 21.173 m<sup>2</sup>/273.186,8 m<sup>2</sup> (đạt 8% tổng diện tích); thành phố Bến Tre chưa bàn giao.

Đang triển khai thực hiện công tác di dời các công trình hạ tầng kỹ thuật bị ảnh hưởng bởi dự án (điện, nước, viễn thông...)

Hiện nay, tiến độ bàn giao mặt bằng chậm. Các hộ dân có nhà đã nhận tiền và giao mặt bằng đối với đất nông nghiệp, riêng đối với đất có nhà ở thì người dân chưa tháo dỡ, di dời được nên chưa bàn giao mặt bằng thi công vì các nguyên nhân: không được chính quyền địa phương cấp phép xây dựng nhà và giải quyết các nội dung liên quan về chuyên mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất thổ cư đối với phần đất nông nghiệp còn lại sau giải tỏa hoặc thừa đất nông nghiệp khác tại các xã lân cận (do vướng quy hoạch, lộ giới; không có kế hoạch hàng năm...); các trường hợp giải tỏa nhà ở có đất thổ cư, người dân xin giữ lại đất thổ cư trên phần đất còn lại không được chấp nhận; hoặc chờ được bố trí khu tái định cư để xây dựng nhà ở mới; vấn đề yêu cầu thực hiện tạm cư, đa số hộ dân không chấp nhận;...

Công tác lựa chọn đơn vị tư vấn thẩm định giá để thay thế Công ty TNHH thẩm định giá Tây Nam (Bộ Tài chính có thông báo ngưng hoạt động) do Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Châu Thành và thành phố Bến Tre thực hiện còn chậm nên ảnh hưởng đến tiến độ phê duyệt phương án và chi trả bồi thường, tiến độ bàn giao mặt bằng của Dự án cầu Rạch Miễu 2 và Dự án đường gom.

### **Về phương hướng, giải pháp đẩy nhanh tiến độ bàn giao mặt bằng**

Ủy ban nhân dân, Trung tâm Phát triển quỹ đất của huyện Châu Thành và thành phố Bến Tre tập trung, khẩn trương thực hiện một số nội dung: (1) Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động người dân đồng thuận phương án bồi thường, sớm nhận tiền và bàn giao mặt bằng thi công; khảo sát, tìm hiểu, phân nhóm đối tượng về nguyên nhân, nguyện vọng của người dân và nghiên cứu đề

xuất phương án giải quyết phù hợp, tạo sự đồng thuận để thuận lợi trong thực hiện công tác giải phóng mặt bằng; (2) Giải quyết yêu cầu tái định cư, tạm cư theo quy định; (3) Giải quyết di dời các bè cá trên sông Tiên để phục vụ thi công cầu Mỹ Tho; (4) Hoàn thành phương án tổng thể bồi thường, hỗ trợ, tái định cư làm cơ sở Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Giao thông vận tải xem xét, thống nhất và xác định tổng chi phí giải phóng mặt bằng để bố trí kế hoạch vốn; (5) Hoàn tất phê duyệt, thực hiện chi trả và cơ bản bàn giao mặt bằng đạt trên 90% vào tháng 10/2022; (6) Tập trung hệ thống tổ chức chính trị - xã hội địa phương để phối hợp vận động, giải quyết kịp thời các khó khăn, nguyện vọng của người dân.

## **CÔNG TÁC CHUẨN BỊ CÁC ĐIỀU KIỆN CHO NĂM HỌC MỚI VÀ TỔ CHỨC KHAI GIẢNG NĂM HỌC 2022-2023**

**La Thị Thúy, TUV, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo**

Năm học 2022-2023 là năm học thứ ba triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XI Đảng bộ tỉnh, các mục tiêu, chỉ tiêu giai đoạn 2020-2025 và triển khai thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới (lớp 3, lớp 7, lớp 10).

Theo kế hoạch năm học 2022-2023, tỉnh sẽ có 180 trường mầm non, mẫu giáo độc lập, trong đó có 19 trường ngoài công lập. Ước tính huy động trẻ trong độ tuổi nhà trẻ ra lớp 18,77%; trẻ trong độ tuổi mẫu giáo ra lớp 86,63%.

Đối với Giáo dục Tiểu học: Có 179 trường tiểu học công lập, 9 trường tiểu học trung học cơ sở công lập, 01 trường phổ thông nhiều cấp học ngoài công lập (Hermann Gmeiner), 01 trường tiểu học - trung học cơ sở ngoài công lập, 01 trường nuôi dạy trẻ em khuyết tật tỉnh. Dự kiến có 3.067 lớp với 95.631 học sinh, gồm: 594 lớp 1 với 17.827 học sinh, 606 lớp 2 với 19.036 học sinh, 586 lớp 3 với 17.911 học sinh, 608 lớp 4 với 18.897 học sinh và 673 lớp 5 với 21.960 học sinh. Trong đó 98% học sinh lớp 4, 5 được học môn tiếng Anh; 100% học sinh lớp 3 và 80% học sinh lớp 1, 2 được học Tiếng Anh tự chọn theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018. 100% trường tiểu học công lập tổ chức dạy Tin học, trong đó 98% học sinh lớp 4, 5 được học Tin học; 100% học sinh lớp 3 và 40% học sinh lớp 1, 2 được học Tin học.

Đối với Giáo dục Trung học: Có 124 trường trung học cơ sở, dự kiến có 2.099 lớp, 75.922 học sinh, trong đó số học sinh lớp 6 là 19.425 học sinh; có 35 trường trung học phổ thông, dự kiến có 726 lớp, 30.529 học sinh và 09 Giáo dục nghề nghiệp-giáo dục thường xuyên huyện, thành phố.

Để chuẩn bị cho năm học mới, Sở Giáo dục và Đào tạo đã yêu cầu các phòng Giáo dục và Đào tạo, các nhà trường tiến hành rà soát, kiểm tra, bổ sung, tu sửa cơ sở vật chất; chuẩn bị đội ngũ, các điều kiện phục vụ cho việc dạy và học trong điều kiện bình thường mới và triển khai ứng dụng nền tảng dạy học trực tuyến đến tất cả các cơ sở giáo dục trên

địa bàn tỉnh theo Quyết định số 27/QĐ-UBQGCD� ngày 15/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban Quốc gia chuyên đổi số về việc ban hành kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyên đổi số năm 2022.

Sở Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành thông tri về nhiệm vụ năm học 2022-2023; phối hợp với các ban, ngành liên quan khẩn trương tham mưu cho UBND tỉnh chỉ thị năm học, kế hoạch, phương án để chuẩn bị cho năm học mới. Đặc biệt quan tâm chỉ đạo việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới, trong đó chú ý đảm bảo cung cấp đủ sách giáo khoa mới cho lớp 3, lớp 7, lớp 10 và xây dựng kế hoạch dạy học phù hợp với tình hình thực tế, với mục tiêu đảm bảo chất lượng, hiệu quả của hoạt động dạy và học qua 2 năm chịu ảnh hưởng của dịch COVID - 19. Triển khai nghiêm túc Chỉ thị số 643/CT-BGDĐT ngày 10/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sử dụng sách giáo khoa và sách tham khảo trong các cơ sở giáo dục phổ thông.

Hoàn thành công tác chuyển đổi viên chức trong đó đã giải quyết 74 hồ sơ chuyển đổi giáo viên; hiện nay ngành đang thực hiện điều động viên chức từ nơi thừa sang thiếu và phê duyệt kế hoạch tuyển dụng viên chức bổ sung biên chế theo qui định. Đồng thời tiến hành rà soát thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ quản lý để đáp ứng yêu cầu công việc.

Phối hợp các nhà xuất bản, trường đại học tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên để đáp ứng yêu cầu dạy và học. Phối hợp các nhà xuất bản và Công ty cổ phần sách, thiết bị Bến Tre cung ứng sách giáo khoa cho học sinh các khối lớp, trong đó quan tâm cung ứng đầy đủ, kịp thời sách giáo khoa cho học sinh lớp 3, lớp 7, lớp 10. Phối hợp Công ty cổ phần Đầu tư & Phát triển giáo dục Phương Nam thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tặng 100 bộ sách lớp 1, 100 bộ sách lớp 2, 100 bộ sách lớp 3, 100 bộ sách lớp 6, 100 bộ sách lớp 7, 100 bộ sách lớp 10 cho các em học sinh nghèo, có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh. Huy động và tạo mọi điều kiện để học sinh có nguy cơ bỏ học ở các cấp học, bậc học được tiếp tục đến trường, nhất là những học sinh bị ảnh hưởng trực tiếp do dịch COVID-19.

Sở Giáo dục và Đào tạo đã trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương duy tu, sửa chữa cơ sở vật chất cho các trường THPT với tổng kinh phí hơn 35 tỷ đồng; kinh phí mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác giảng dạy và học tập của các lớp 3, lớp 7, lớp 10. Đồng thời đã ban hành văn bản hướng dẫn các khoản thu trong nhà trường và việc sử dụng có hiệu quả các nguồn thu hợp pháp trong các cơ sở giáo dục công lập từ năm học 2022-2023. Tiếp tục triển khai thực hiện thu học phí bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh.

Để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho năm học mới, công tác chuẩn bị về đội ngũ, cơ sở vật chất đã được triển khai đến tất cả các nhà trường trên địa bàn tỉnh. Công tác tuyển sinh ở các lớp đầu cấp đã và đang thực hiện nghiêm túc theo kế hoạch phát triển giáo dục đã được

phê duyệt. Năm học 2022-2023 là năm đầu tiên triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với cấp trung học phổ thông, một trong những điểm mới rất quan trọng là ngoài các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc học sinh sẽ lựa chọn môn học còn lại theo định hướng phát triển nghề nghiệp trong tương lai. Vì vậy công tác tuyên truyền, tư vấn, hướng dẫn được quan tâm để học sinh có sự lựa chọn môn học phù hợp với nhu cầu, năng lực, sở trường và định hướng lựa chọn nghề nghiệp, đồng thời vừa phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường.

Sở Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo các cơ sở giáo dục chuẩn bị các điều kiện để tổ chức lễ khai giảng năm học trong điều kiện bình thường mới; chương trình khai giảng phải tạo dấu ấn tốt đẹp, không khí vui tươi, phấn khởi, thực sự là ngày hội đối với thầy cô giáo và học sinh. Hiện nay, ngành đang tổ chức thực hiện các khâu còn lại của kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 để hoàn thành công tác tuyển sinh và tập trung chuẩn bị các điều kiện cần thiết để bắt đầu cho một năm học mới, năm học 2022-2023.

## **NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TIẾP TỤC ĐỔI MỚI, PHÁT TRIỂN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH TẾ TẬP THỂ TRONG GIAI ĐOẠN MỚI**

Tính đến cuối năm 2021, cả nước có hơn 27.400 hợp tác xã (HTX), tăng 41% so với năm 2013, tạo việc làm thường xuyên cho khoảng 1 triệu lao động. Thu nhập của người lao động đạt trung bình 2,7 triệu đồng/người/tháng. Số HTX sản xuất kinh doanh có hiệu quả đạt 58% trong tổng số HTX đang hoạt động. Cả nước có trên 1.700 HTX sản xuất gắn với chuỗi giá trị, công nghiệp cao. Sau 20 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5, khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể (KTĐT), khu vực KTĐT nước ta đã có những chuyển biến tích cực. Nhận thức về phát triển KTĐT, mà trọng tâm là hợp tác xã trong hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân được nâng lên. Chính sách, pháp luật về KTĐT được quan tâm xây dựng, hoàn thiện phù hợp với từng giai đoạn phát triển. Hợp tác xã đã cơ bản hoàn thành việc chuyển đổi sang mô hình kiểu mới theo quy định của pháp luật. Số lượng hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập mới tăng đáng kể, phát triển đa dạng hơn về ngành nghề, quy mô và trình độ, hỗ trợ tốt hơn cho các thành viên, tạo việc làm và nâng cao thu nhập thường xuyên cho người lao động. Tổ hợp tác với cơ cấu tổ chức gọn nhẹ, nội dung hoạt động đơn giản nhưng thiết thực, đáp ứng tốt hơn nhu cầu liên kết linh hoạt và mang tính ngắn hạn của người dân. Liên kết giữa các hợp tác xã với nhau, với doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác bước đầu phát triển. Khu vực KTĐT cơ bản đã khắc phục được tình trạng yếu kém kéo dài, góp phần xây dựng nông thôn mới, bảo đảm an sinh, an

ninh, trật tự, an toàn xã hội, từng bước khẳng định vị trí, vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân.

Tuy nhiên, khu vực KTTT của nước ta đến nay chưa phát triển như mục tiêu, yêu cầu nghị quyết đề ra. Đổi mới và nâng cao hiệu quả KTTT còn nhiều khó khăn. Tốc độ tăng trưởng, tỷ trọng đóng góp của khu vực KTTT vào GDP còn thấp và có xu hướng giảm. Hợp tác xã phát triển không đồng đều giữa các địa phương, vùng, miền, giữa khu vực nông nghiệp và phi nông nghiệp. Số lượng hợp tác xã tuy tăng, nhưng số lượng thành viên bình quân trong hợp tác xã có xu hướng giảm; không ít thành viên tham gia hoạt động của hợp tác xã còn hình thức, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ trong hợp tác xã. Năng lực nội tại của hợp tác xã còn yếu, hiệu quả hoạt động chưa cao, mô hình tổ chức lỏng lẻo, chưa phù hợp, trình độ cán bộ quản lý hợp tác xã còn hạn chế. Phần lớn hợp tác xã, tổ hợp tác có quy mô nhỏ, vốn ít, phạm vi hoạt động hẹp, năng lực cạnh tranh, lợi ích mang lại cho thành viên thấp; tính liên kết trong nội bộ hợp tác xã còn rất yếu; vấn đề nợ của hợp tác xã, tình trạng chiếm dụng vốn chưa được xử lý dứt điểm. Các hoạt động liên doanh, liên kết giữa các hợp tác xã và giữa hợp tác xã với các tổ chức kinh tế khác chưa phổ biến. Số lượng liên hiệp hợp tác xã ít; tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác thiếu ổn định; nhiều hợp tác xã chuyển đổi, tổ chức lại mang tính hình thức, chưa thực sự chuyển biến về chất.

Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XIII) về "Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới" nêu rõ các nhiệm vụ, giải pháp như sau:

Tăng cường tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cơ quan, tổ chức và nhân dân, nhận thức đúng, đầy đủ về phát triển KTTT là yêu cầu và xu thế tất yếu trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta. KTTT với nhiều hình thức tổ chức đa dạng, kết hợp sức mạnh tập thể với sức mạnh của từng thành viên, trong đó: Tổ chức KTTT, nòng cốt là hợp tác xã là hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh thuộc thành phần KTTT, là tổ chức kinh tế của những thể nhân, pháp nhân có nhu cầu, tự nguyện lập ra và tự chịu trách nhiệm về hoạt động của mình theo quy định của pháp luật. Tổ chức KTTT hoạt động bình đẳng với các tổ chức kinh tế khác. Nhà nước không can thiệp trực tiếp, mà chỉ quản lý hoạt động của tổ chức KTTT thông qua pháp luật và chính sách. Các tổ chức KTTT hoạt động có mục đích KT-XH và nhân văn, không chỉ vì lợi ích kinh tế thuần túy. KTTT coi trọng lợi ích của thành viên, sự hợp tác, liên kết, trợ giúp lẫn nhau, hướng đến làm giàu cho từng thành viên và tập thể...

Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật về KTTT như quy định về các loại hình tổ chức KTTT, tổ chức đại diện; quy định về hợp tác xã, phát triển thành viên, về nâng cao khả năng huy động vốn, tăng tích lũy vốn và tài sản chung; quy định về phát triển doanh nghiệp trong tổ chức KTTT. Bổ sung đầy đủ cơ sở pháp lý về kiểm toán, các quy định nhằm nâng cao tính minh bạch trong quản lý, điều hành; về nâng cao hiệu quả, chất lượng chính sách hỗ trợ của Nhà nước, quản lý nhà nước đối với KTTT. Có chính sách hỗ trợ, thu hút nguồn lực, ứng dụng khoa học - công nghệ, phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, nông nghiệp hữu cơ, thích ứng biến đổi khí hậu, chuyển đổi số, mở rộng thị trường cho KTTT, bảo đảm thống nhất, đồng bộ. Sửa đổi, bổ sung các chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển KTTT theo hướng xác định các tổ chức KTTT là chủ thể phù hợp để kết hợp giữa đầu tư của Nhà nước và đầu tư, quản lý của tập thể người dân (đầu tư công - quản trị cộng đồng). Nhà nước có cơ chế, chính sách đặc thù cho KTTT. Xây dựng chương trình tổng thể về phát triển KTTT trên phạm vi toàn quốc để thống nhất, tập trung nguồn lực, phù hợp với yêu cầu phát triển của KTTT và điều kiện phát triển KT-XH của đất nước trong từng thời kỳ với một số chính sách cụ thể về phát triển nguồn nhân lực, đất đai, tài chính, tín dụng, khoa học - công nghệ, hỗ trợ về thông tin kinh tế, kỹ năng tiếp thị và nghiên cứu thị trường, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, bảo hiểm xã hội.

Có chính sách phù hợp để tập trung giải quyết dứt điểm các vấn đề tồn đọng của KTTT gồm: Nợ tồn đọng kéo dài trong hợp tác xã (nợ nhà nước, nợ ngân hàng, nợ các tổ chức kinh tế khác, nợ thành viên, thành viên nợ hợp tác xã...); các quan hệ về tài sản của hợp tác xã, đặc biệt là những tài sản liên quan đến đất đai. Rà soát, sắp xếp lại các hợp tác xã hoạt động không hiệu quả; xử lý dứt điểm các hợp tác xã ngừng hoạt động, chờ giải thể và các hợp tác xã chưa chuyển đổi, tổ chức lại theo quy định của pháp luật; cơ cấu lại các hợp tác xã tín dụng, nhất là xử lý một số hợp tác xã tín dụng yếu kém. Phát huy tinh thần dân chủ, tự nguyện, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của thành viên trong các tổ chức KTTT; kết hợp động lực kinh tế với động lực tinh thần, khơi dậy phong trào quần chúng nhân dân tham gia phát triển KTTT. Khuyến khích mở rộng thành viên, đa dạng hóa các loại thành viên trong tổ chức KTTT (thành viên chính thức và thành viên liên kết) tùy theo nhu cầu, khả năng đóng góp và mức độ tham gia. Thành viên tham gia tổ chức KTTT là chủ thể kinh tế tự chủ, được hưởng đầy đủ quyền lợi và chịu trách nhiệm đối với phần đóng góp của mình theo quy định của pháp luật và điều lệ của tổ chức...

Tăng cường quản lý nhà nước đối với KTTT trong phạm vi cả nước; Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về KTTT. Xây dựng bộ máy quản lý nhà nước về KTTT tập trung, thống nhất, xuyên suốt trong chỉ đạo điều hành từ Trung ương đến địa phương. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý có chuyên môn, nghiệp vụ, được đào tạo chuyên sâu về KTTT, có tư tưởng chính trị vững vàng, có năng lực xây dựng và tổ chức thực hiện hiệu quả pháp luật, cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch để KTTT phát triển lành mạnh, đúng định hướng. Tăng cường minh bạch trong quản lý nhà nước về KTTT, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, từng bước xây dựng, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về KTTT, liên thông với hệ thống đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra, trách nhiệm giải trình của các cơ quan, tổ chức đối với việc chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển KTTT, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm hành vi vi phạm...

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp tuyên truyền, vận động đề hội viên, đoàn viên và nhân dân nắm chắc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về KTTT; phối hợp tổ chức vận động, phát triển các loại hình KTTT...

### **Ban Tuyên giáo Trung ương**

## **NHỮNG BƯỚC CHUYỂN TRONG THỰC HIỆN CHỈ TIÊU NUÔI TÔM CÔNG NGHỆ Ở HUYỆN THẠNH PHÚ**

Thực hiện chủ trương phát triển kinh tế hướng Đông, huyện Thạnh Phú đã xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển 1.500 ha nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao (CNC) đến năm 2025 căn cứ theo Kế hoạch phát triển 4.000ha nuôi tôm CNC tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021 - 2025. Theo đó, đã tập trung chỉ đạo triển khai công tác vận động phát triển nuôi tôm biển với mô hình tổ chức sản xuất phù hợp, ứng dụng CNC để nâng cao năng suất, sản lượng, chất lượng, đảm bảo thích ứng biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường sinh thái, mang lại lợi ích cho người dân, doanh nghiệp và kinh tế của huyện tại 5 vùng nuôi tập trung thuộc 9 xã của tiểu vùng 2 và 3 gồm: Thạnh Hải, Thạnh Phong, Giao Thạnh, An Nhơn, An Qui, An Thuận, An Điền, Mỹ An, An Thạnh.

Đến cuối năm 2021, huyện có 17.850,7 ha nuôi tôm biển, trong đó diện tích nuôi quảng canh xen tôm, cua, cá khoảng 8.672ha, tôm - lúa 5.030ha, tôm - rừng 798,7ha. Diện tích nuôi tôm thâm canh đến cuối năm 2021 là 3.350 ha.



Theo kế hoạch, đã chọn 5 khu vực nuôi tập trung có khả năng đầu tư phát triển và đề ra mục tiêu, lộ trình, phương án triển khai, cụ thể: Giai đoạn 1 từ năm 2021 đến năm 2023: Tập trung phát triển nuôi vùng 1 là 370 ha, vùng 2 là 126 ha, vùng 3 là 120 ha, vùng 4 là 180 ha, vùng 5 là 329 ha. Trong đó, phát triển đạt 205 ha 02 khu nuôi tập trung khu vực xã Giao Thạnh (155 ha) và xã Thạnh Hải (210 ha); Giai đoạn 2 từ năm 2023 đến năm 2025: Giữ vững diện tích nuôi hiện có (1.125 ha). Tập trung đầu tư nâng cấp kết cấu hạ tầng giao thông, điện, thủy lợi các vùng 1, 2, 3 và triển khai xây dựng kết cấu hạ tầng mới phục vụ cho vùng 4, 5. Phát triển thêm 375 ha, trong đó vùng 1 là 58 ha, vùng 2 là 50 ha, vùng 3 là 80 ha, vùng 4 là 102 ha, vùng 5 là 85 ha.

Để thực hiện đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra, huyện đã phối hợp với Chi cục Thủy sản rà soát và quy hoạch lại vùng nuôi, khu nuôi thủy sản có điều kiện sản xuất ứng dụng CNC đưa vào quy hoạch sử dụng đất huyện thời kỳ 2021 - 2030 có tích hợp vào quy hoạch vùng nuôi thủy sản của tỉnh. Tập trung tổ chức lại sản xuất, hợp tác, liên kết với Công ty Cổ phần Chăn nuôi CP Việt Nam, các ngân hàng thương mại hỗ trợ xây dựng mô hình, tổ chức 03 cuộc hội thảo tuyên truyền về chủ trương, chính sách phục vụ cho nuôi tôm CNC. Phối hợp tập huấn chuyển giao kỹ thuật, xây dựng chuỗi giá trị nuôi tôm biển, trong đó doanh nghiệp đóng vai trò dẫn dắt và là động lực của toàn chuỗi giá trị. Tổ chức lại sản xuất theo hướng hợp tác, liên kết các hộ nuôi nhỏ lẻ để tạo mô hình nuôi diện tích quy mô trang trại hoặc hộ gia đình từ 02 ha trở lên, tạo điều kiện hình thành vùng nguyên liệu tập trung quy mô lớn, tạo đầu mối để liên kết với các doanh nghiệp cung ứng vật tư đầu vào và tiêu thụ sản phẩm đầu ra.

Tính đến tháng 5 năm 2022, diện tích nuôi thâm canh 2,3 giai đoạn và mô hình ứng dụng CNC trên địa bàn huyện đạt 800 ha (diện tích nuôi mới tăng 50 ha so cuối năm 2021), đạt 100% chỉ tiêu năm. Nhìn chung, đa số người dân tích cực tham gia mô hình nuôi tôm biển ứng dụng CNC và các hộ nuôi đều có lợi nhuận từ 40 đến 50%/ vụ nuôi, rủi ro thấp.

Huyện đã phối hợp Chi cục Thủy sản, Chi cục Phát triển nông thôn, Ban sáng lập viên Hợp tác xã, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh Thạnh Phú và Ủy ban nhân dân các xã Thạnh Phong, Thạnh Hải và Giao Thạnh tổ chức các cuộc họp tuyên truyền, triển khai chính sách hỗ trợ nuôi tôm ứng dụng CNC và vận động các hộ nuôi tôm biển thâm canh các xã Thạnh Phong, Thạnh Hải và Giao Thạnh chuyển đổi mô hình nuôi theo hướng CNC và tham gia Hợp tác xã nuôi tôm CNC của huyện. Kết quả có 19 hộ đăng ký tham gia và đang xúc tiến các bước chuẩn bị Hội nghị thành lập Hợp tác xã nuôi tôm CNC của huyện vào đầu tháng 6 năm 2022. Bên cạnh đó, xã An Nhơn và Giao Thạnh đã thành lập 02 Tổ hợp tác nuôi tôm ứng dụng CNC có 26 thành viên. Tiếp tục phối hợp vận

động thành lập mới 05 tổ hợp tác liên kết sản xuất mô hình nuôi tôm CNC tại 05 xã gồm An Qui, An Thuận, An Điền, An Thạnh và Mỹ An trong năm 2022. Tích cực vận động hộ nuôi tôm thâm canh tham gia tổ hợp tác, hợp tác xã có liên kết chuỗi giá trị ổn định đầu vào, đầu ra.

Hiện nay, huyện đang phối hợp với Công ty trách nhiệm hữu hạn Hải Sản Việt Hải tỉnh Hậu Giang khảo sát diện tích mô hình nuôi tôm ứng dụng CNC, hỗ trợ Đại lý thức ăn Phan Thị Mỹ Linh, xã An Nhơn xây dựng hồ sơ chứng nhận ASC và tiêu thụ đầu ra tôm thương phẩm nuôi từ mô hình ứng dụng CNC đạt chuẩn ASC với giá cao hơn thị trường (cùng loại, cùng thời điểm thu hoạch cao hơn 10.000 đồng/ kg).

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, đã gặp một số khó khăn như: Kết cấu hạ tầng phục vụ cho các vùng nuôi tôm biển ứng dụng công nghệ cao mặc dù được quan tâm đầu tư nhưng chưa đảm bảo, nguồn vốn đầu tư xây dựng còn rất hạn chế. Người dân còn e ngại, chưa mạnh dạn đầu tư theo mô hình nuôi tôm biển ứng dụng công nghệ cao do đây là mô hình nuôi tôm kỹ thuật cao với chi phí đầu tư ban đầu lớn trong khi người dân thiếu vốn đầu tư; diện tích nuôi nhỏ lẻ, manh mún, chưa có sự liên kết dẫn đến hiệu quả nuôi còn thấp.

Trong thời gian tới, Ủy ban nhân dân huyện sẽ chỉ đạo Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, Công ty cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền. Qua đó, vận động các doanh nghiệp, các hộ có đủ điều kiện chuyển đổi từ nuôi tôm thâm canh truyền thống sang mô hình nuôi tôm ứng dụng CNC. Phối hợp các ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các xã thành lập các Tổ hợp tác và Hợp tác xã nuôi tôm ứng dụng CNC; phối hợp chặt chẽ với Công ty cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam để hướng dẫn cho các hộ nuôi xây dựng mô hình nuôi phù hợp với diện tích hiện có, tư vấn quy trình nuôi và kết nối với các ngân hàng thương mại để tạo điều kiện cho người dân tiếp cận nguồn vốn vay, có chính sách ưu đãi về lãi suất để hộ nuôi đủ điều kiện tham gia mô hình. Đồng thời, chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã tăng cường công tác quản lý nuôi tôm thâm canh đúng theo quy hoạch và quy định của pháp luật.

**Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Phú**

### **GIỒNG TRÔM ĐẦU TƯ 4,565 TỶ ĐỒNG THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ**

Giồng Trôm xác định chuyển đổi số là giải pháp nền tảng và cũng là nhiệm vụ quan trọng trong lãnh đạo của các cấp ủy đảng, trong toàn bộ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trên địa bàn huyện. Huyện đã đề ra 03 chỉ tiêu cụ thể để thực hiện bao gồm:

Phát triển Chính quyền số: *Về ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước*: 100% hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của các cơ quan nhà nước được thực hiện trên môi trường mạng dựa vào nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất và có sự quản lý, theo dõi, giám sát; 100% văn bản đi, đến (*trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật*) của cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn huyện (*bao gồm cấp huyện và cấp xã*) được gửi, nhận liên thông qua môi trường mạng và đảm bảo đầy đủ tính pháp lý của văn bản điện tử (*văn bản điện tử có ký số đúng quy định*); 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*); 100% cán bộ, công chức, viên chức sử dụng hộp thư điện tử công vụ trong trao đổi công việc thông qua hệ thống thư điện tử của tỉnh hoặc hộp thư điện tử chuyên ngành; đảm bảo cung cấp hộp thư điện tử cho cán bộ, công chức, viên chức sử dụng và đáp ứng yêu cầu về bảo mật, an toàn thông tin; tối thiểu 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý; 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản; tối thiểu 50% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số. *Về ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp*: 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 được cung cấp và sử dụng trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động; tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của huyện đạt từ 50% trở lên; 100% cơ quan nhà nước công khai mức độ hài lòng của người dân khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến; Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân huyện đảm bảo công khai thông tin đầy đủ theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước; ưu tiên đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong lĩnh vực như: y tế, giáo dục, du lịch, nông nghiệp...

Về phát triển Kinh tế số: Thúc đẩy phát triển kinh tế số đóng góp 10% vào giá trị tăng trưởng các ngành kinh tế chủ yếu của huyện. Tỷ trọng kinh tế số đóng góp 10% tổng GDP toàn huyện. Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, từng lĩnh vực đạt tối thiểu 5%. Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 7%; 30% doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động sản xuất kinh doanh; 40% doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tiếp cận và tham gia vào các hoạt động giao dịch điện tử trên môi trường mạng.

Phát triển Xã hội số: Hạ tầng mạng băng thông rộng, cáp quang phủ 100% đơn vị hành chính cấp huyện, xã và 60% hộ gia đình; Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh; 30% người dùng điện thoại di động

thông minh (smartphone) được tiếp cận với các dịch vụ chính quyền điện tử, dịch vụ đô thị thông minh; 30% người dùng smartphone tham gia vào hoạt động thanh toán điện tử.

Để thực hiện đạt hiệu quả các chỉ tiêu nêu trên, Giồng Trôm đã có kế hoạch đầu tư 4,565 tỷ đồng để thực hiện chuyển đổi số. Trong đó kinh phí ngân sách tỉnh 03 tỷ đồng; kinh phí ngân sách huyện 1,125 tỷ đồng; kinh phí vận động từ nguồn xã hội hoá 0,44 tỷ đồng. Nhằm tạo bước đột phá chuyển đổi số thời gian tới, Huyện ủy, UBND huyện đã chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể các cấp tập trung thực hiện có hiệu quả 06 nhóm nhiệm vụ, giải pháp:

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, Nhà nước, nâng cao nhận thức của các cấp ủy, chính quyền, người dân, doanh nghiệp về sự cần thiết của chuyển đổi số. Tiếp tục triển khai và phối hợp các sở ngành, cơ quan có liên quan đào tạo, tập huấn bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số và tăng cường công tác tuyên truyền chuyển đổi số nhằm nâng cao kiến thức, nghiệp vụ quản lý nhà nước trên nền tảng chuyển đổi số từ huyện đến xã, thị trấn. Xây dựng các chuyên mục thông tin, tuyên truyền về kế hoạch chuyển đổi số trên hệ thống truyền thanh từ huyện đến cơ sở, xây dựng các cụm panô, khẩu hiệu và các văn bản tuyên truyền.

Nhân rộng mô hình thí điểm: Tiếp tục hỗ trợ xã Mỹ Thạnh hoàn thành các chỉ tiêu chuyển đổi số xã thí điểm của tỉnh. Triển khai nhân rộng mô hình thí điểm chuyển đổi số xã Bình Thành.

Phát triển Chính quyền số: Phát triển hạ tầng số phục vụ các cơ quan Nhà nước trên địa bàn huyện một cách tập trung, thông suốt; sử dụng, tăng cường công khai, minh bạch, phòng, chống tham nhũng, thúc đẩy phát triển các dịch vụ số trong nền kinh tế; cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên cả thiết bị di động thông minh để người dân, doanh nghiệp có trải nghiệm tốt nhất về dịch vụ, nhanh chóng, chính xác, không giấy tờ, giảm chi phí. Triển khai các ứng dụng nhằm nâng cao sự tương tác giữa chính quyền và người dân. Phối hợp với ngành có liên quan xây dựng chương trình nâng cao nhận thức, đào tạo kỹ năng về chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan Nhà nước trên địa bàn huyện. Ứng dụng công nghệ số và dữ liệu để xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách, quy định. Ứng dụng khoa học dữ liệu, trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu lớn và dữ liệu tích hợp toàn tỉnh.

Phát triển Kinh tế số: Tiếp tục thúc đẩy chuyển đổi số trong các doanh nghiệp để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Phổ biến kiến thức chung về thực hiện chuyển đổi sang kinh tế số, các công nghệ số, các loại mô hình kinh tế số. Phát triển sản phẩm nội dung số, truyền thông số, quảng cáo số. Xây

dựng diễn đàn trao đổi, hợp tác các doanh nghiệp, cộng đồng với doanh nghiệp công nghệ, cơ quan quản lý nhà nước về các nội dung chuyển đổi số nhằm tăng cường chia sẻ thông tin, đề xuất ý tưởng hợp tác. Hỗ trợ doanh nghiệp triển khai và khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng các giải pháp thanh toán đảm bảo trong giao dịch thương mại điện tử. Tập trung tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại điện tử đa dạng.

Phát triển Xã hội số: Tổng rà soát và triển khai phương án đảm bảo 100% hệ thống cấp quang được phủ đến tận cấp xã. Thúc đẩy phát triển không dừng tiền mặt trên địa bàn huyện. Trước tiên là nêu cao tinh thần, trách nhiệm, gương mẫu của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan Nhà nước. Thực hiện các chương trình đào tạo, đào tạo lại kỹ năng lãnh đạo, quản lý chuyển đổi số cho người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương. Tổ chức đào tạo, nâng cao kỹ năng số cho người lao động tại các doanh nghiệp trong cụm công nghiệp, các doanh nghiệp. Cung cấp các khóa học cho các đồng chí ở ấp, khu phố và tất cả người dân nâng cao khả năng tiếp cận công nghệ số.

Tiếp tục thực hiện chuyển đổi số trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh trật tự: chú trọng thực hiện đối với các ngành y tế, giáo dục, du lịch, nông nghiệp, tài chính, kinh tế hạ tầng...

**Ban Tuyên giáo Huyện ủy Giồng Trôm**